

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2026

V/v đơn giản hóa thủ tục hành
chính đối với mã số vùng
trồng, mã số cơ sở đóng gói

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Công văn số 8695/BNMT-TTTr ngày 03/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai thực hiện một số nội dung sau¹:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công bố, sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính theo đúng quy định. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai; kịp thời hướng dẫn các địa phương thực hiện còn chậm hoặc chưa đúng quy định; chủ động xử lý khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền, tham mưu báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với các nội dung vượt thẩm quyền.

b) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, giải đáp cho Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân về các nội dung, vướng mắc liên quan đến cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

c) Làm đầu mối tổng hợp danh sách mã số đã được cấp đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, chuyển nước nhập khẩu phê duyệt; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã kết quả phê duyệt của nước nhập khẩu, các thông báo không tuân thủ và thông tin liên quan khác để tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

¹ Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 767/TTr-SNNMT ngày 10/8/2026 về việc đề nghị ban hành văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

d) Công khai, cập nhật danh sách mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói đã được cấp, phê duyệt kèm theo trạng thái hoạt động của mã số trên Hệ thống xử lý nghiệp vụ để các tổ chức, cá nhân tra cứu.

đ) Chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo tại công văn này; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 25/9/2026; đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

b) Chủ động cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định để thực hiện công tác tuyên truyền, tập huấn cho tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thiết lập, duy trì và sử dụng mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

c) Tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định; thực hiện việc cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; phê duyệt mã số trong trường hợp nước nhập khẩu đồng ý để cơ quan có thẩm quyền Việt Nam tự phê duyệt; thực hiện việc tạm dừng, thu hồi, khôi phục mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói theo quy định tại Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

d) Tổ chức hậu kiểm đối với trường hợp mã số được cấp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày mã số được cấp; lập biên bản hậu kiểm theo mẫu quy định; kịp thời xử lý hoặc tham mưu xử lý đối với trường hợp không đáp ứng yêu cầu theo quy định.

đ) Trường hợp Cổng dịch vụ công quốc gia gặp sự cố không thể tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên môi trường mạng hoặc tổ chức, cá nhân không thể nộp hồ sơ trên môi trường mạng, thì thực hiện tiếp nhận hồ sơ bằng bản giấy (nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện), không để tồn đọng hồ sơ do nguyên nhân chủ quan. Việc cấp mã số được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ và thông tin phải được cập nhật lên Cổng dịch vụ công quốc gia ngay sau khi Cổng dịch vụ công quốc gia hoạt động bình thường.

e) Chủ trì, phối hợp với đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục rà soát, chuẩn hóa thông tin vùng trồng, cơ sở đóng gói; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đăng ký; cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (bao gồm các mã số đã được cấp

trước đó), bảo đảm đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và yêu cầu của thị trường nhập khẩu.

g) Tổ chức thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, lợi ích của mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và các quy định của Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ; hướng dẫn người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp chủ động đăng ký, khai báo đầy đủ thông tin một cách trung thực, chính xác và phải duy trì điều kiện kỹ thuật của mã số sau khi được cấp.

h) Hằng năm, xây dựng kế hoạch, triển khai tổ chức thực hiện việc cấp, kiểm tra, giám sát và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn xã.

i) Tổng hợp danh sách mã số đã được cấp đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị chuyển nước nhập khẩu phê duyệt.

k) Trước ngày 15/9/2026, tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đồng thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiên;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP Tạ Văn Lực;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, NNMT, NTBT, NLTA.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Tâm Hiên